

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THUỘC THÔN AN NGHIỆP, XÃ THANH MIỆN

STT	Họ và tên người đại diện kê khai	Xứ đồng	Thôn	Số lô	Số thửa theo sơ đồ giải thửa	Diện tích (m2)	Loại đất
1	ĐỖ HỮU CẦU	BẠC CA	AN NGHIỆP	1	1	1213	LUC
2	NGUYỄN THỊ XEN	BẠC CA	AN NGHIỆP	2	2	1116	LUC
3	NGUYỄN THỊ MÁI	BẠC CA	AN NGHIỆP	3	3	1110	LUC
4	NGUYỄN THỊ MÁI	BẠC CA	AN NGHIỆP	4	4	130	LUC
5	NGUYỄN THỊ TÁCH	BẠC CA	AN NGHIỆP	5	5	460	LUC
6	NGUYỄN THỊ QUYẾT	BẠC CA	AN NGHIỆP	6	6	120	LUC
7	NGUYỄN THỊ QUYẾT	BẠC CA	AN NGHIỆP	7	7	1362	LUC
8	VŨ THỊ TÌNH	BẠC CA	AN NGHIỆP	8	8	527	LUC
9	VŨ THỊ TÌNH	BẠC CA	AN NGHIỆP	9	9	1385	LUC
10	TRẦN THỊ TẬP	BẠC CA	AN NGHIỆP	10	10	496	LUC
11	AN MINH VƯƠNG	BẠC CA	AN NGHIỆP	11	11	868	LUC
12	TRẦN VĂN BÈ	BẠC CA	AN NGHIỆP	12	12	174	LUC
13	TRẦN VĂN BÈ	BẠC CA	AN NGHIỆP	13	13	994	LUC
14	ĐỖ VĂN VŨNG	BẠC CA	AN NGHIỆP	14	14	1038	LUC
15	ĐỖ THỊ NGỌC THÚY	BẠC CA	AN NGHIỆP	15	15	672	LUC
16	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	BẠC CA	AN NGHIỆP	16	16	1313	LUC
17	PHẠM VĂN BẮC	BẠC CA	AN NGHIỆP	17	17	482	LUC
18	PHẠM VĂN BẮC	BẠC CA	AN NGHIỆP	18	18	758	LUC
19	ĐỖ VĂN PHÙNG	BẠC CA	AN NGHIỆP	19	19	582	LUC
20	ĐỖ VĂN HƯƠNG	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	1	1	1297	LUC
21	TRẦN THỊ SỨ	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	2	2	864	LUC
22	NGUYỄN VĂN XUYẾN	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	3	3	1905	LUC
23	BÙI VĂN ĐỒNG	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	4	4	549	LUC
24	BÙI VĂN ĐỒNG	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	5	5	1215	LUC
25	BÙI XUÂN CƯƠNG	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	6	6	544	LUC
26	AN MINH VƯƠNG	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	7	7	437	LUC
27	ĐỖ HỮU MÙA	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	8	8	1128	LUC
28	NGUYỄN THỊ SEN	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	9	9	1269	LUC
29	NGUYỄN THỊ MÁI	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	10	10	285	LUC
30	NGUYỄN THỊ MÁI	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	11	11	1125	LUC
31	NGUYỄN THỊ TÁCH	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	12	12	564	LUC
32	NGUYỄN THỊ QUYẾT	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	13	13	856	LUC
33	PHẠM THỊ HÁI	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	14	14	118	LUC
34	AN THỊ HỒNG CHÍN	SAU TRƯỜNG HỌC	AN NGHIỆP	15	15	475	LUC
35	ĐỖ NGỌC THUẬN	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	1	1	279	LUC
36	ĐỖ THỊ LỘ	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	2	2	664	LUC
37	AN VĂN VƯƠNG	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	3	3	860	LUC
38	AN VĂN PHÚ	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	4	4	744	LUC
39	NGUYỄN VĂN QUÂN	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	5	5	1240	LUC
40	NGUYỄN VĂN TOANH	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	6	6	992	LUC
41	ĐOÀN THỊ KÉO	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	7	7	1628	LUC
42	NGUYỄN THỊ THỀM	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	8	8	1240	LUC
43	NGUYỄN THỊ TÁM	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	9	9	1876	LUC
44	BÙI THỊ PHÒNG	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	10	10	564	LUC
45	AN THỊ GÁI	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	11	11	1116	LUC
46	NGUYỄN VĂN TUYẾN	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	12	12	608	LUC
47	ĐỖ THỊ HÒA	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	13	13	555	LUC

48	TRẦN THỊ LONG	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	14	14	744	LUC
49	ĐỖ VĂN HOA	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	15	15	1344	LUC
50	NGUYỄN VĂN NGOẠI	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	16	16	992	LUC
51	VŨ THỊ CÙNG	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	17	17	1168	LUC
52	ĐỖ VĂN HẠ	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	18	18	1240	LUC
53	TRẦN THỊ LUYẾN	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	19	19	936	LUC
54	ĐỖ VĂN HÀ	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	20	20	744	LUC
55	TRẦN VĂN HÁT	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	21	21	744	LUC
56	TRẦN VĂN HOÀN	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	22	22	496	LUC
57	TRẦN VĂN HUỖNH	CỬA QUÁN	AN NGHIỆP	23	23	1590	LUC
58	HOÀNG VĂN NHẠNG	THỎ CUN	AN NGHIỆP	1	1	827	LUC
59	ĐỖ HỮU MÙA	THỎ CUN	AN NGHIỆP	2	2	522	LUC
60	ĐỖ THỊ GẦN	THỎ CUN	AN NGHIỆP	3	3	956	LUC
61	ĐỖ NGỌC CHIM	THỎ CUN	AN NGHIỆP	4	4	322	LUC
62	NGUYỄN VĂN YÊN	THỎ CUN	AN NGHIỆP	5	5	1360	LUC
63	ĐỖ NGỌC CHINH	THỎ CUN	AN NGHIỆP	6	6	878	LUC
64	ĐỖ VĂN CHĂNG	THỎ CUN	AN NGHIỆP	7	7	684	LUC
65	ĐỖ HỮU MÙA	THỎ CUN	AN NGHIỆP	8	8	126	LUC
66	PHẠM THỊ LÍ	THỎ CUN	AN NGHIỆP	9	9	745	LUC
67	AN THỊ VÂN	THỎ CUN	AN NGHIỆP	10	10	1416	LUC
68	ĐỖ VĂN CHĂNG	THỎ CUN	AN NGHIỆP	11	11	253	LUC
69	HOÀNG VĂN NHẠNG	THỎ CUN	AN NGHIỆP	12	12	1175	LUC
70	AN XUÂN LÝ	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	1	1	2839	LUC
71	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	2	2	1876	LUC
72	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	3	3	253	LUC
73	BÙI THỊ THÈO	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	4	4	1692	LUC
74	TRẦN QUỐC VIÊN	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	5	5	956	LUC
75	AN VĂN XUẤT	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	6	6	870	LUC
76	ĐẶNG VĂN MÃO	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	7	7	227	LUC
77	ĐẶNG VĂN MÃO	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	8	8	1526	LUC
78	AN THỊ THẾ	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	9	9	1128	LUC
79	AN THỊ LIÊN	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	10	10	1764	LUC
80	NGUYỄN XUÂN TÁN	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	11	11	1128	LUC
81	VŨ VĂN KIỆM	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	12	12	1622	LUC
82	ĐỖ VĂN PHÙNG	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	13	13	1118	LUC
83	BÙI QUANG TÚY	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	14	14	1316	LUC
84	NGUYỄN VĂN TƯƠNG	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	15	15	496	LUC
85	ĐỖ VĂN TƠN	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	16	16	705	LUC
86	NGUYỄN MINH NGỌC	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	17	17	1128	LUC
87	AN VĂN TUẤN	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	18	18	1410	LUC
88	TRẦN XUÂN CẬP	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	19	19	564	LUC
89	ĐOÀN VĂN DOAN	ĐỒNG CHỆM	AN NGHIỆP	20	20	564	LUC
90	NGUYỄN THỊ QUYẾT	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	1	1	836	LUC
91	VŨ THỊ TÌNH	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	2	2	2286	LUC
92	TRẦN THỊ TÁP	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	3	3	564	LUC
93	AN MINH VƯƠNG	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	4	4	987	LUC
94	TRẦN VĂN BÈ	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	5	5	1410	LUC
95	ĐỖ VĂN VỪNG	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	6	6	1764	LUC
96	ĐỖ THỊ NGỌC THÚY	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	7	7	846	LUC
97	TRẦN VĂN NGÁT	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	8	8	335	LUC
98	ĐỖ VĂN THUẬN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	9	9	1269	LUC
99	ĐỖ THỊ TÂM	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	10	10	677	LUC
100	ĐỖ VĂN THUẬN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	11	11	564	LUC

101	PHẠM THỊ HÁI	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	12	12	446	LUC
102	ĐỖ VĂN PHÌNH	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	13	13	1692	LUC
103	NGUYỄN VĂN VẤN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	14	14	846	LUC
104	TRẦN THỊ BÈN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	15	15	1200	LUC
105	ĐỖ THỊ GẠI	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	16	16	1072	LUC
106	VŨ THỊ CÙNG	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	17	17	1482	LUC
107	ĐỖ VĂN THẢ	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	18	18	846	LUC
108	TRẦN THỊ LUYẾN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	19	19	1692	LUC
109	TRẦN VĂN HOÀN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	20	20	296	LUC
110	TRẦN VĂN HOÀN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	21	21	268	LUC
111	ĐỖ VĂN HẠ	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	22	22	1410	LUC
112	ĐỖ THỊ DUNG	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	23	23	1410	LUC
113	NGUYỄN MINH NGỌC	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	24	24	266	LUC
114	AN VĂN HIỆP	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	25	25	1118	LUC
115	ĐỖ VĂN THUẬN	ĐÓNG BỆT 2	AN NGHIỆP	26	26	744	LUC
116	ĐỖ VĂN THUẬN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	1	1	372	LUC
117	ĐỖ VĂN THUẬN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	2	2	496	LUC
118	ĐỖ THỊ TÁM	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	3	3	774	LUC
119	PHẠM THỊ HÁI	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	4	4	496	LUC
120	ĐỖ VĂN PHÌNH	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	5	5	1182	LUC
121	NGUYỄN VĂN VẤN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	6	6	636	LUC
122	TRẦN THỊ BÈN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	7	7	992	LUC
123	ĐỖ THỊ GẠI	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	8	8	1240	LUC
124	ĐỖ THỊ THỢ	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	9	9	828	LUC
125	BÙI VĂN QUYẾT	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	10	10	663	LUC
126	ĐỖ THỊ GẠI	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	11	11	338	LUC
127	ĐỖ THỊ THỢ	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	12	12	1413	LUC
128	BÙI VĂN QUYẾT	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	13	13	792	LUC
129	ĐOÀN VĂN DOAN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	14	14	407	LUC
130	AN VĂN TUẤN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	15	15	1204	LUC
131	TRẦN XUÂN CẬP	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	16	16	424	LUC
132	NGUYỄN MINH NGỌC	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	17	17	366	LUC
133	ĐỖ THỊ ĐÀM	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	18	18	1344	LUC
134	KIM CÔNG XUYẾN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	19	19	1296	LUC
135	ĐỖ THỊ LANH	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	20	20	846	LUC
136	TRẦN TRUNG KHIÊN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	21	21	1102	LUC
137	AN VĂN HIỆP	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	22	22	1410	LUC
138	ĐÀO THỊ THỊ	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	23	23	680	LUC
139	BÙI QUANG TÚY	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	24	24	1764	LUC
140	NGUYỄN VĂN TƯƠNG	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	25	25	612	LUC
141	AN XUÂN MẠO	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	26	26	1152	LUC
142	AN XUÂN MẠO	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	27	27	612	LUC
143	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	28	28	846	LUC
144	AN THỊ MĂNG	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	29	29	1128	LUC
145	NGUYỄN THỊ LÔNG	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	30	30	1410	LUC
146	NGUYỄN VĂN HÙNG	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	31	31	684	LUC
147	TRẦN VĂN MÃO	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	32	32	1692	LUC
148	NGUYỄN THỊ NHẤN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	33	33	710	LUC
149	VŨ VĂN KHIÊM	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	34	34	258	LUC
150	AN VĂN CƯ	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	35	35	2120	LUC
151	ĐỖ THỊ LANH	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	36	36	744	LUC
152	KIM CÔNG XUYẾN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	37	37	856	LUC
153	ĐỖ THỊ ĐÀM	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	38	38	992	LUC

154	ĐỖ VĂN SƠN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	39	39	1482	LUC
155	ĐỖ THỊ HOÀN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	40	40	564	LUC
156	PHẠM THỊ QUYNH	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	41	41	1566	LUC
157	ĐỖ THỊ DUNG	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	42	42	1798	LUC
158	NGÔ THỊ GÁI	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	43	43	867	LUC
159	AN VĂN THANH	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	44	44	846	LUC
160	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	45	45	1128	LUC
161	AN THỊ LÁ	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	46	46	564	LUC
162	NGUYỄN VĂN TUẤN	NGOÀI ĐỀ	AN NGHIỆP	47	47	732	LUC
163	ĐỖ HUY DUNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	1	1	120	LUC
164	BÙI VĂN HÁN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	2	2	96	LUC
165	ĐỖ THỂ NGỌC	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	3	3	144	LUC
166	VŨ THỊ MIỀN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	4	4	96	LUC
167	ĐỖ VĂN HƯƠNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	5	5	96	LUC
168	NGUYỄN VĂN XUYỀN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	6	6	156	LUC
169	BÙI VĂN ĐỒNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	7	7	144	LUC
170	BÙI XUÂN CƯƠNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	8	8	72	LUC
171	ĐỖ THỊ XUYỀN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	9	9	144	LUC
172	AN VĂN QUÝ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	10	10	192	LUC
173	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	11	11	144	LUC
174	TRẦN THỊ XỨ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	12	12	72	LUC
175	ĐỖ HỮU MÙA	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	13	13	96	LUC
176	NGUYỄN THỊ SEN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	14	14	108	LUC
177	NGUYỄN THỊ MẠI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	15	15	120	LUC
178	NGUYỄN THỊ TÁCH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	16	16	48	LUC
179	NGUYỄN THỊ QUYẾT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	17	17	144	LUC
180	VŨ THỊ TÌNH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	18	18	192	LUC
181	TRẦN VĂN BÈ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	19	19	120	LUC
182	TRẦN THỊ TÁP	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	20	20	48	LUC
183	AN MINH VƯƠNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	21	21	84	LUC
184	ĐỖ VĂN VŨNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	22	22	144	LUC
185	ĐỖ THỊ THANH THÚY	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	23	23	72	LUC
186	PHẠM VĂN BẮC	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	24	24	120	LUC
187	ĐỖ THỊ GẮN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	25	25	96	LUC
188	ĐỖ NGỌC CHINH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	26	26	144	LUC
189	ĐỖ VĂN CHÁNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	27	27	96	LUC
190	AN THỊ VÂN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	28	28	84	LUC
191	PHẠM THỊ LÝ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	29	29	72	LUC
192	TRẦN VĂN PHỤ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	30	30	84	LUC
193	ĐỖ VĂN PHÙNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	31	31	168	LUC
194	AN VĂN DUỜNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	32	32	120	LUC
195	NGUYỄN VĂN BIẾT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	33	33	192	LUC
196	AN THỊ HẰNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	34	34	72	LUC
197	TRẦN VĂN NAM	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	35	35	120	LUC
198	AN THỊ HỒNG CHÍN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	36	36	120	LUC
199	HOANG THỊ MÙI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	37	37	48	LUC
200	AN VĂN CHỜ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	38	38	168	LUC
201	NGUYỄN THỊ CHÂM	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	39	39	96	LUC
202	ĐỖ NGỌC THÂN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	40	40	108	LUC
203	ĐỖ THỊ LỘ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	41	41	120	LUC
204	AN VĂN VƯƠNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	42	42	96	LUC
205	AN VĂN PHÚ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	43	43	72	LUC

206	NGUYỄN VĂN QUÂN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	44	44	120	LUC
207	NGUYỄN VĂN TOANH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	45	45	96	LUC
208	ĐOÀN THỊ KÉO	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	46	46	168	LUC
209	NGUYỄN THỊ THÈM	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	47	47	120	LUC
210	NGUYỄN THỊ TẮM	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	48	48	192	LUC
211	AN THỊ GÁI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	49	49	108	LUC
212	TRẦN VĂN HÁT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	50	50	72	LUC
213	NGUYỄN VĂN TUYỀN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	51	51	96	LUC
214	ĐỖ THỊ HÒA	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	52	52	96	LUC
215	TRẦN THỊ LONG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	53	53	72	LUC
216	BÙI VĂN ĐỀ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	54	54	168	LUC
217	ĐỖ VĂN HOA	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	55	55	144	LUC
218	NGUYỄN VĂN NGOẠI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	56	56	96	LUC
219	VŨ THỊ CÙNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	57	57	120	LUC
220	ĐỖ VĂN THÀ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	58	58	72	LUC
221	TRẦN THỊ LUYẾN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	59	59	144	LUC
222	TRẦN VĂN HOÀN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	60	60	48	LUC
223	ĐỖ VĂN HẠ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	61	61	120	LUC
224	ĐỖ THỊ DUNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	62	62	120	LUC
225	ĐỖ VĂN THUẬN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	63	63	108	LUC
226	ĐỖ THỊ TẮM	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	64	64	78	LUC
227	ĐỖ VĂN THUẬN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	65	65	48	LUC
228	PHẠM THỊ HÁI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	66	66	48	LUC
229	ĐỖ VĂN PHÌNH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	67	67	144	LUC
230	NGUYỄN VĂN VÂN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	68	68	72	LUC
231	TRẦN THỊ BÈN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	69	69	96	LUC
232	ĐỖ THỊ GẠI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	70	70	120	LUC
233	ĐỖ THỊ THỢ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	71	71	108	LUC
234	BÙI VĂN QUYẾT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	72	72	48	LUC
235	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	73	73	96	LUC
236	ĐỖ THỊ ĐÀM	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	74	74	96	LUC
237	ĐỖ THỊ LANH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	75	75	72	LUC
238	TRẦN TRUNG KHIỂN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	76	76	120	LUC
239	AN VĂN HIỆP	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	77	77	120	LUC
240	ĐÀO THỊ THỊNH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	78	78	96	LUC
241	BÙI QUANG TÚY	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	79	79	144	LUC
242	AN XUÂN MAO	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	80	80	144	LUC
243	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	81	81	73	LUC
244	AN THỊ MĂNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	82	82	96	LUC
245	NGUYỄN THỊ LÔNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	83	83	120	LUC
246	NGUYỄN VĂN HUNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	84	84	96	LUC
247	TRẦN VĂN MÃO	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	85	85	144	LUC
248	ĐỖ QUANG HUNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	86	86	120	LUC
249	ĐỖ THỊ HOÀN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	87	87	48	LUC
250	PHẠM TỊ QUYNH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	88	88	144	LUC
251	NGUYỄN THỊ NHẪN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	89	89	72	LUC
252	NGÔ THỊ GÁI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	90	90	72	LUC
253	AN THỊ LÁ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	91	91	48	LUC
254	AN VĂN KHANH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	92	92	72	LUC
255	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	93	93	96	LUC
256	NGUYỄN VĂN TUẤN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	94	94	96	LUC
257	ĐỖ THANH HUYỀN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	95	95	48	LUC

258	ĐOÀN XUÂN KẾT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	96	96	144	LUC
259	NGUYỄN THỊ CÀI	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	97	97	120	LUC
260	NGUYỄN VĂN CHUYỂN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	98	98	120	LUC
261	NGUYỄN VĂN MÁT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	99	99	72	LUC
262	TRẦN THỊ UYÊN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	100	100	120	LUC
263	TRẦN VĂN PHÚ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	101	101	84	LUC
264	AN THỊ LÝ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	102	102	144	LUC
265	AN VĂN CỬ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	103	103	96	LUC
266	BÙI THỊ THÈO	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	104	104	144	LUC
267	TRẦN QUỐC VIÊN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	105	105	96	LUC
268	AN VĂN XUẤT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	106	106	120	LUC
269	ĐẶNG VĂN MÃO	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	107	107	156	LUC
270	AN THỊ THẾ	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	108	108	96	LUC
271	TRẦN VĂN NGÁT	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	109	109	48	LUC
272	AN THỊ LIÊN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	110	110	72	LUC
273	NGUYỄN XUÂN TẤN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	111	111	96	LUC
274	VŨ VĂN KHIÊM	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	112	112	144	LUC
275	ĐỖ VĂN TƠN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	113	113	60	LUC
276	NGUYỄN MINH NGỌC	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	114	114	96	LUC
277	AN VĂN TUẤN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	115	115	120	LUC
278	TRẦN XUÂN CẬP	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	116	116	48	LUC
279	ĐOÀN VĂN ĐOAN	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	117	117	48	LUC
280	TRẦN VĂN HÙNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	118	118	72	LUC
281	HOÀNG VĂN NHẠNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	119	119	120	LUC
282	AN THỊ LANH	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	120	120	120	LUC
283	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	121	121	72	LUC
284	ĐỖ THỊ NGỌC THÚY	DƯỢC MẠ 1	AN NGHIỆP	122	122	72	LUC
285	PHẠM VĂN BẮC	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	1	1	1410	LUC
286	ĐỖ THỊ GẦN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	2	2	1128	LUC
287	ĐỖ NGỌC CHINH	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	3	3	1764	LUC
288	ĐỖ VĂN CHĂNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	4	4	1128	LUC
289	AN THỊ VÂN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	5	5	987	LUC
290	PHẠM THỊ LÝ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	6	6	722	LUC
291	TRẦN VĂN PHỤ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	7	7	987	LUC
292	ĐỖ VĂN PHÙNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	8	8	1974	LUC
293	TRẦN THỊ LÚN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	9	9	540	LUC
294	AN VĂN ĐDƯỠNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	10	10	1410	LUC
295	NGUYỄN XUÂN BIẾT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	11	11	2256	LUC
296	AN THỊ HẰNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	12	12	846	LUC
297	NGUYỄN VĂN YÊN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	13	13	1410	LUC
298	TRẦN VĂN NAM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	14	14	1410	LUC
299	AN THỊ HỒNG CHÍN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	15	15	935	LUC
300	HOÀNG THỊ MÙI	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	16	16	564	LUC
301	AN VĂN CHỜ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	17	17	2274	LUC
302	NGUYỄN THỊ CHẨM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	18	18	345	LUC
303	NGUYỄN THỊ CHẨM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	19	19	1058	LUC
304	ĐỖ NGỌC THẮN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	20	20	1341	LUC
305	ĐỖ THỊ LỘI	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	21	21	1410	LUC
306	AN VĂN VƯƠNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	22	22	1200	LUC
307	AN VĂN PHÚ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	23	23	846	LUC
308	NGUYỄN VĂN QUÂN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	24	24	1482	LUC
309	NGUYỄN VĂN TOANH	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	25	25	1128	LUC
310	ĐOÀN THỊ KÉO	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	26	26	2046	LUC

311	NGUYỄN THỊ THỀM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	27	27	439	LUC
312	AN THỊ LIÊN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	28	28	904	LUC
313	NGUYỄN THỊ THỀM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	29	29	1043	LUC
314	NGUYỄN THỊ TÁM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	30	30	2256	LUC
315	BÙI THỊ PHÒNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	31	31	990	LUC
316	AN THỊ GÁI	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	32	32	1269	LUC
317	TRẦN VĂN HÁT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	33	33	846	LUC
318	NGUYỄN VĂN TUYỀN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	34	34	1242	LUC
319	AN THỊ THỂ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	35	35	700	LUC
320	BÙI THỊ SUỐT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	36	36	626	LUC
321	ĐỖ THỊ HÒA	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	37	37	1128	LUC
322	TRẦN THỊ LONG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	38	38	846	LUC
323	BÙI VĂN ĐỂ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	39	39	724	LUC
324	TRẦN VĂN PHÚ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	40	40	987	LUC
325	TRẦN THỊ UYÊN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	41	41	1410	LUC
326	NGUYỄN VĂN MÁT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	42	42	846	LUC
327	NGUYỄN VĂN CHUYỂN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	43	43	1410	LUC
328	NGUYỄN THỊ CẢI	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	44	44	1410	LUC
329	AN VĂN QUÝ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	45	45	1176	LUC
330	ĐOÀN XUÂN KẾT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	46	46	1692	LUC
331	ĐỖ THANH HUYỀN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	47	47	496	LUC
332	NGUYỄN VĂN TUẤN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	48	48	884	LUC
333	TRẦN VĂN NGÁT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	49	49	725	LUC
334	AN XUÂN MẠO	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	50	50	1452	LUC
335	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	51	51	654	LUC
336	AN THỊ MĂNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	52	52	992	LUC
337	NGUYỄN THỊ LÔNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	53	53	1240	LUC
338	NGUYỄN VĂN HÙNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	54	54	992	LUC
339	TRẦN VĂN MÃO	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	55	55	1416	LUC
340	ĐỖ QUANG HÙNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	56	56	1060	LUC
341	ĐỖ THỊ HOÀN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	57	57	496	LUC
342	PHẠM THỊ QUYNH	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	58	58	820	LUC
343	NGUYỄN THỊ NHẪN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	59	59	450	LUC
344	NGUYỄN THỊ NHẪN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	60	60	358	LUC
345	AN THỊ LÁ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	61	61	496	LUC
346	AN VĂN THANH	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	62	62	744	LUC
347	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	63	63	956	LUC
348	NGUYỄN VĂN TUẤN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	64	64	396	LUC
349	ĐỖ THANH HUYỀN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	65	65	564	LUC
350	ĐOÀN XUÂN KẾT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	66	66	1488	LUC
351	AN VĂN QUÝ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	67	67	767	LUC
352	AN VĂN QUÝ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	68	68	473	LUC
353	NGUYỄN THỊ CẢI	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	69	69	1240	LUC
354	NGUYỄN VĂN CHUYỂN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	70	70	1240	LUC
355	NGUYỄN VĂN MÁT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	71	71	744	LUC
356	TRẦN THỊ UYÊN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	72	72	520	LUC
357	TRẦN THỊ UYÊN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	73	73	720	LUC
358	TRẦN VĂN PHÚ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	74	74	868	LUC
359	BÙI THỊ THÈO	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	75	75	1488	LUC
360	TRẦN QUỐC VIÊN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	76	76	920	LUC
361	AN VĂN XUẤT	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	77	77	882	LUC
362	NGUYỄN XUÂN TÁM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	78	78	956	LUC

363	ĐẶNG VĂN MÃO	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	79	79	1612	LUC
364	AN THỊ THẾ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	80	80	990	LUC
365	VŨ VĂN KHIÊM	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	81	81	896	LUC
366	ĐỖ VĂN TƠN	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	82	82	728	LUC
367	BÙI VĂN ĐẾ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	83	83	1250	LUC
368	ĐỖ VĂN HOA	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	84	84	1692	LUC
369	NGUYỄN VĂN NGOẠI	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	85	85	1572	LUC
370	NGUYỄN VĂN HÙNG	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	86	86	992	LUC
371	BÙI VĂN ĐẾ	ĐỒNG QUÂN	AN NGHIỆP	87	87	1282	LUC
372	ĐỖ HUY DUNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	1	1	1240	LUC
373	BÙI VĂN HÁN	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	2	2	992	LUC
374	ĐỖ THẾ NGỌC	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	3	3	1306	LUC
375	VŨ THỊ MIỀN	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	4	4	992	LUC
376	ĐỖ THỊ XUYỀN	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	5	5	864	LUC
377	AN VĂN QUÝ	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	6	6	744	LUC
378	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	7	7	1141	LUC
379	TRẦN THỊ SỬ	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	8	8	513	LUC
380	TRẦN THỊ SỬ	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	9	9	232	LUC
381	ĐỖ VĂN HƯƠNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	10	10	751	LUC
382	NGUYỄN VĂN XUYỀN	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	11	11	758	LUC
383	BÙI VĂN ĐỒNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	12	12	360	LUC
384	BÙI XUÂN CƯƠNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	13	13	398	LUC
385	BÙI XUÂN CƯƠNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	14	14	606	LUC
386	AN THỊ LANH	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	15	15	4252	LUC
387	TRẦN VĂN PHỤ	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	16	16	760	LUC
388	TRẦN THỊ NÚN	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	17	17	436	LUC
389	AN VĂN DƯỠNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	18	18	924	LUC
390	AN VĂN DƯỠNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	19	19	316	LUC
391	NGUYỄN XUÂN BIẾT	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	20	20	1984	LUC
392	AN THỊ HÀNG	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	21	21	744	LUC
393	TRẦN VĂN NAM	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	22	22	1096	LUC
394	ĐỖ VĂN CÔI	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	23	23	1080	LUC
395	AN THỊ HỒNG CHÍN	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	24	24	1168	LUC
396	HOÀNG THỊ MÙI	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	25	25	388	LUC
397	AN VĂN CHỖ	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	26	26	1903	LUC
398	NGUYỄN THỊ CHÂM	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	27	27	992	LUC
399	ĐỖ NGỌC THÁN	ĐỒNG TRỖ	AN NGHIỆP	28	28	837	LUC
400	ĐỖ HUY DUNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	1	1	100	LUC
401	BÙI VĂN HÁNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	2	2	80	LUC
402	ĐỖ THẾ NGỌC	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	3	3	120	LUC
403	VŨ THỊ MIỀN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	4	4	80	LUC
404	ĐỖ VĂN HƯƠNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	5	5	80	LUC
405	NGUYỄN VĂN XUYỀN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	6	6	130	LUC
406	BÙI VĂN ĐỒNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	7	7	120	LUC
407	BÙI XUÂN CƯƠNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	8	8	70	LUC
408	ĐỖ THỊ XUYỀN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	9	9	120	LUC
409	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	10	10	120	LUC
410	TRẦN THỊ SỬ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	11	11	60	LUC
411	ĐỖ HỮU MÙA	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	12	12	80	LUC
412	NGUYỄN THỊ SEN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	13	13	90	LUC
413	NGUYỄN THỊ MẠI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	14	14	100	LUC
414	NGUYỄN THỊ QUYẾT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	15	15	120	LUC
415	NGUYỄN THỊ TÁCH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	16	16	40	LUC

416	VŨ THỊ TÌNH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	17	17	160	LUC
417	TRẦN THỊ TÁP	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	18	18	40	LUC
418	AN MINH VƯƠNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	19	19	70	LUC
419	TRẦN VĂN BÈ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	20	20	100	LUC
420	ĐỖ VĂN VỪNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	21	21	120	LUC
421	ĐỖ THỊ NGỌC THÚY	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	22	22	60	LUC
422	PHẠM XUÂN BẮC	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	23	23	100	LUC
423	ĐỖ THỊ GẮN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	24	24	80	LUC
424	ĐỖ NGỌC CHINH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	25	25	120	LUC
425	ĐỖ VĂN CHĂNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	26	26	80	LUC
426	AN THỊ VÂN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	27	27	120	LUC
427	PHẠM THỊ LÝ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	28	28	60	LUC
428	TRẦN VĂN PHỤ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	29	29	70	LUC
429	ĐỖ VĂN PHỤNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	30	30	140	LUC
430	TRẦN THỊ NÚN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	31	31	70	LUC
431	AN VĂN DƯỞNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	32	32	100	LUC
432	NGUYỄN XUÂN BIẾT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	33	33	160	LUC
433	AN THỊ HẰNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	34	34	60	LUC
434	TRẦN VĂN NAM	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	35	35	100	LUC
435	AN THỊ HỒNG CHÍN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	36	36	100	LUC
436	HOÀNG THỊ MÙI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	37	37	40	LUC
437	AN VĂN CHỜ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	38	38	140	LUC
438	NGUYỄN THỊ CHÂM	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	39	39	80	LUC
439	ĐỖ NGỌC THÂN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	40	40	90	LUC
440	ĐỖ THỊ LỘI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	41	41	100	LUC
441	AN VĂN VƯƠNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	42	42	80	LUC
442	AM VĂN PHÚ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	43	43	60	LUC
443	NGUYỄN VĂN QUÂN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	44	44	100	LUC
444	NGUYỄN VĂN TOANH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	45	45	80	LUC
445	ĐOÀN THỊ KÉO	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	46	46	140	LUC
446	NGUYỄN THỊ THỀM	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	47	47	100	LUC
447	NGUYỄN THỊ TÁM	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	48	48	160	LUC
448	BÙI THỊ PHÒNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	49	49	60	LUC
449	TRẦN THỊ LONG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	50	50	60	LUC
450	AN THỊ GÁI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	51	51	90	LUC
451	TRẦN VĂN HÁT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	52	52	60	LUC
452	NGUYỄN VĂN TUYẾN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	53	53	80	LUC
453	ĐỖ THỊ HÒA	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	54	54	80	LUC
454	BÙI VĂN ĐỀ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	55	55	140	LUC
455	ĐỖ VĂN HOA	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	56	56	120	LUC
456	NGUYỄN VĂN NGOẠI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	57	57	80	LUC
457	VŨ THỊ CÙNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	58	58	100	LUC
458	ĐỖ VĂN THÀ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	59	59	60	LUC
459	TRẦN THỊ LUYẾN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	60	60	120	LUC
460	TRẦN VĂN HOÀN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	61	61	40	LUC
461	ĐỖ VĂN HẠ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	62	62	100	LUC
462	ĐỖ THỊ DUNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	63	63	100	LUC
463	ĐỖ VĂN THUẬN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	64	64	90	LUC
464	ĐỖ THỊ TÂM	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	65	65	60	LUC
465	ĐỖ VĂN THUẬN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	66	66	40	LUC
466	PHẠM THỊ HÁI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	67	67	40	LUC
467	ĐỖ VĂN PHÌNH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	68	68	120	LUC
468	NGUYỄN VĂN VÂN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	69	69	60	LUC

469	TRẦN THỊ BÈN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	70	70	80	LUC
470	ĐỖ THỊ GẠI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	71	71	100	LUC
471	ĐỖ THỊ THỢ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	72	72	90	LUC
472	BÙI VĂN QUYẾT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	73	73	40	LUC
473	NGUYỄN VĂN HUỐNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	74	74	80	LUC
474	ĐỖ THỊ ĐẰM	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	75	75	80	LUC
475	KIM CÔNG XUYỀN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	76	76	80	LUC
476	ĐỖ THỊ LANH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	77	77	60	LUC
477	TRẦN TRUNG KHIỂN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	78	78	100	LUC
478	AN VĂN HIỆP	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	79	79	100	LUC
479	ĐÀO THỊ THỊ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	80	80	80	LUC
480	BÙI QUANG TÚY	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	81	81	120	LUC
481	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	82	82	40	LUC
482	AN XUÂN MẠO	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	83	83	120	LUC
483	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	84	84	60	LUC
484	AN THỊ MĂNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	85	85	80	LUC
485	NGUYỄN THỊ LỒNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	86	86	100	LUC
486	NGUYỄN VĂN HÙNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	87	87	80	LUC
487	TRẦN VĂN MÃO	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	88	88	120	LUC
488	ĐỖ QUANG HÙNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	89	89	100	LUC
489	ĐỖ THỊ HOÀN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	90	90	40	LUC
490	PHẠM THỊ QUYNH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	91	91	120	LUC
491	NGUYỄN THỊ NHÂN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	92	92	60	LUC
492	NGÔ THỊ GÁI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	93	93	60	LUC
493	AN THỊ LÁ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	94	94	40	LUC
494	AN VĂN THANH	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	95	95	60	LUC
495	NGUYỄN VĂN TUẤN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	96	96	80	LUC
496	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	97	97	80	LUC
497	ĐỖ THANH HUYỀN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	98	98	40	LUC
498	ĐOÀN XUÂN KẾT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	99	99	120	LUC
499	AN VĂN QUÝ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	100	100	60	LUC
500	NGUYỄN THỊ CẢI	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	101	101	100	LUC
501	NGUYỄN VĂN CHUYỂN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	102	102	100	LUC
502	NGUYỄN VĂN MẮT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	103	103	60	LUC
503	TRẦN THỊ TUYẾN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	104	104	100	LUC
504	TRẦN VĂN PHÚ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	105	105	100	LUC
505	AN XUÂN LÝ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	106	106	120	LUC
506	AN VĂN CỬ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	107	107	80	LUC
507	BÙI THỊ THÈO	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	108	108	120	LUC
508	TRẦN QUỐC VIÊN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	109	109	80	LUC
509	AN VĂN XUẤT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	110	110	100	LUC
510	ĐẶNG VĂN MÃO	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	111	111	130	LUC
511	AN THỊ THẾ	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	112	112	100	LUC
512	TRẦN VĂN NGÁT	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	113	113	40	LUC
513	AN THỊ LIÊN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	114	114	120	LUC
514	NGUYỄN XUÂN TẤN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	115	115	80	LUC
515	VŨ VĂN KHIÊM	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	116	116	120	LUC
516	ĐỖ VĂN TON	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	117	117	50	LUC
517	NGUYỄN MINH NGỌC	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	118	118	80	LUC
518	AN VĂN TUẤN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	119	119	100	LUC
519	TRẦN XUÂN CẬP	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	120	120	40	LUC
520	ĐOÀN VĂN DOAN	BẠC DÔNG	AN NGHIỆP	121	121	40	LUC

521	TRẦN VĂN HUỖNH	BẮC DÔNG	AN NGHIỆP	122	122	60	LUC
522	HOÀNG VĂN NHẠNG	BẮC DÔNG	AN NGHIỆP	123	123	100	LUC
523	AN THỊ LANH	BẮC DÔNG	AN NGHIỆP	124	124	100	LUC
524	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BẮC DÔNG	AN NGHIỆP	125	125	55	LUC
525	BUI THỊ SUỐT	BẮC DÔNG	AN NGHIỆP	126	126	20	LUC
526	AN VĂN QUÝ	BẮC DÔNG	AN NGHIỆP	127	127	100	LUC
527	NGUYỄN VĂN YÊN	BẮC DÔNG	AN NGHIỆP	128	128	100	LUC
528	Nguyễn Văn Miện	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	1	1	86.4	LUC
529	An Thành Cương	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	2	2	86.4	LUC
530	Trần Văn Phai	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	3	3	226.4	LUC
531	An Văn Năng	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	4	4	126.4	LUC
532	Đỗ Văn Vinh	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	5	5	61.2	LUC
533	Đoàn Thị Liên	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	6	6	93.6	LUC
534	Bùi Đăng Huệ	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	7	7	86.4	LUC
535	Vũ Thị Quyên	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	8	8	75.6	LUC
536	Phạm Thị Vò	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	9	9	108.6	LUC
537	An Văn Hà	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	10	10	46.8	LUC
538	Đỗ Văn Thoàng	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	11	11	133.2	LUC
539	Vũ Thị Thùy	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	12	12	46.8	LUC
540	Đoàn Thị Dung	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	13	13	43.2	LUC
541	Phạm Thị Hạnh	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	14	14	79.2	LUC
542	An Văn Thỏa (Huận)	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	15	15	104.4	LUC
543	Doanh Thị Luân	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	16	16	46.8	LUC
544	Vũ Văn Tạ	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	17	17	72	LUC
545	Trần Thị Huyền	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	18	18	54	LUC
546	Bùi Thị Thơ	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	19	19	51.4	LUC
547	Bùi Thị Thơ	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	20	20	57.6	LUC
548	Đoàn Văn Hạ	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	21	21	108	LUC
549	Đỗ Văn Kiên	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	22	22	57.6	LUC
550	Trần Văn Đoá	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	23	23	39.6	LUC
551	Nguyễn Văn Thương	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	24	24	75.6	LUC
552	An Thị Giải	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	25	25	61.2	LUC
553	An Văn Cáp	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	26	26	72	LUC
554	Trần Văn Trúc	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	27	27	57.6	LUC
555	Phạm Thị Mùa	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	28	28	75.6	LUC
556	An Văn Chuyện	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	29	29	75.6	LUC
557	Trần Thị Bảy	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	30	30	57.6	LUC
558	Trần Văn Hoạch	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	31	31	57.6	LUC
559	An Văn Vang	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	32	32	64	LUC
560	Đỗ Thị Thương	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	33	33	61.2	LUC
561	An Thị Vân	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	34	34	68.4	LUC
562	Trần Thị Lê	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	35	35	72	LUC
563	An Thị Bến	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	36	36	75.6	LUC
564	An Thị Lùng	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	37	37	61.2	LUC
565	An Thị Gái	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	38	38	133.6	LUC
566	Nguyễn Văn Quyền	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	39	39	61.2	LUC
567	Trần Văn Hạnh	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	40	40	61.2	LUC
568	Đỗ Văn Diên	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	41	41	122.4	LUC
569	An Văn Tuyển	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	42	42	111.6	LUC
570	Vũ Thị Sáng	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	43	43	50.4	LUC
571	Trần Văn Phô	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	44	44	64.8	LUC
572	Nguyễn Thị Tản	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	45	45	72	LUC
573	Trần Thị Mãi	Nàn (B.Dông+Đồng Mờ)	AN NGHIỆP	46	46	64.8	LUC

574	Đỗ Thị Út	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	47	47	75.6	LUC
575	Trần Thị Vạch	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	48	48	54	LUC
576	Trần Văn Toà	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	49	49	54	LUC
577	Đỗ Thị Huệ	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	50	50	68.4	LUC
578	Đỗ Trung Cao	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	51	51	50.4	LUC
579	Nguyễn Thị Phích	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	52	52	57.6	LUC
580	Trần Văn Hưng	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	53	53	144	LUC
581	Vũ Văn Trường	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	54	54	158.4	LUC
582	Nguyễn Thị Phương	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	55	55	90	LUC
583	Nguyễn Thị Chuyên	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	56	56	75.6	LUC
584	Trần Văn Hồi	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	57	57	144	LUC
585	Trần Thị Ty	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	58	58	72	LUC
586	Trần Thị Nhuận	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	59	59	96	LUC
587	Trần Thị Gạt	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	60	60	111.6	LUC
588	Vũ Thị Quyên	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	61	61	57.6	LUC
589	Bùi Thị Bảy	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	62	62	180	LUC
590	Trần Thị Phương (Trí)	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	63	63	86.4	LUC
591	Trần Văn Tắc	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	64	64	68.4	LUC
592	Đỗ Thị Huệ	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	65	65	86.4	LUC
593	Trần Văn Kha	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	66	66	39.6	LUC
594	Đoàn Thị Lầy	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	67	67	61.2	LUC
595	Trần Văn Đoán	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	68	68	57.6	LUC
596	Đỗ Văn Tuệ	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	69	69	36	LUC
597	Trần Văn Bằng	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	70	70	72	LUC
598	Trần Thị Thu	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	71	71	57	LUC
599	Đỗ Văn Trung	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	72	72	86.2	LUC
600	Trần Văn Tùng	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	73	73	100.8	LUC
601	Đoàn Thị Nghiệp	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	74	74	75.6	LUC
602	Trần Thị Sấn	Nàn (B.Dông+Đồng Mơ)	AN NGHIỆP	75	75	72	LUC
603	Trần Thị Vạch	Mơ Cao	AN NGHIỆP	1	1	568.8	LUC
604	Đỗ Văn Kiên	Mơ Cao	AN NGHIỆP	2	2	370.8	LUC
605	Trần Văn Phô	Mơ Cao	AN NGHIỆP	3	3	662.4	LUC
606	Đỗ Văn Vinh	Mơ Cao	AN NGHIỆP	4	4	435.6	LUC
607	Nguyễn Minh Hường	Mơ Cao	AN NGHIỆP	5	5	198	LUC
608	Đỗ Thành Trung	Mơ Cao	AN NGHIỆP	6	6	601.2	LUC
609	Đỗ Thị Huệ	Mơ Cao	AN NGHIỆP	7	7	288	LUC
610	Nhữ Thị Quyên	Mơ Cao	AN NGHIỆP	8	8	560.8	LUC
611	Đỗ Văn Côi	Mơ Cao	AN NGHIỆP	9	9	217	LUC
612	Trần Thị Mai	Mơ Cao	AN NGHIỆP	10	10	666	LUC
613	Trần Văn Quế	Mơ Cao	AN NGHIỆP	11	11	396	LUC
614	Đỗ Thị Tâm	Mơ Cao	AN NGHIỆP	12	12	576	LUC
615	Trần Văn Hoạch	Mơ Cao	AN NGHIỆP	13	13	417.6	LUC
616	Trần Văn Đoán	Mơ Cao	AN NGHIỆP	14	14	453.6	LUC
617	Trần Thị Nhuận	Mơ Cao	AN NGHIỆP	15	15	460.8	LUC
618	Nguyễn Đức Ngải	Mơ Cao	AN NGHIỆP	16	16	230.4	LUC
619	Nguyễn Thị Sùng	Mơ Cao	AN NGHIỆP	17	17	669.6	LUC
620	Nguyễn Thị Phương	Mơ Cao	AN NGHIỆP	18	18	108	LUC
621	Đỗ Văn Bằng	Mơ Cao	AN NGHIỆP	19	19	608.4	LUC
622	Đỗ Thị Út	Mơ Cao	AN NGHIỆP	20	20	424.8	LUC
623	Trần Thị Thu	Mơ Cao	AN NGHIỆP	21	21	424.8	LUC
624	Trần Văn Quang	Mơ Cao	AN NGHIỆP	22	22	403.2	LUC
625	Vũ Thị Quyên	Mơ Cao	AN NGHIỆP	23	23	493.2	LUC
626	An Thị Giải	Mơ Cao	AN NGHIỆP	24	24	633.6	LUC

627	Đỗ Thị Thanh	Mơ Cao	AN NGHIỆP	25	25	223.2	LUC
628	Bùi Thị Thơ	Mơ Cao	AN NGHIỆP	26	26	1173.6	LUC
629	Nguyễn Thị Cườm	Mơ Cao	AN NGHIỆP	27	27	568.8	LUC
630	Nguyễn Văn Mến	Mơ Cao	AN NGHIỆP	28	28	482.4	LUC
631	Nguyễn Thị Lê	Mơ Cao	AN NGHIỆP	29	29	446.4	LUC
632	Nguyễn Thị Huyền	Mơ Cao	AN NGHIỆP	30	30	435.6	LUC
633	Trần Thị Tỵ	Mơ Cao	AN NGHIỆP	31	31	234	LUC
634	Đoàn Thị Thanh	Mơ Cao	AN NGHIỆP	32	32	507.6	LUC
635	Trần Thị Phương	Mơ Cao	AN NGHIỆP	33	33	265	LUC
636	Đoàn Thị Lòng	Mơ Cao	AN NGHIỆP	34	34	252	LUC
637	Nguyễn Thị Phích	Mơ Cao	AN NGHIỆP	35	35	950.4	LUC
638	Vũ Văn Vân	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	1	1	304.1	LUC
639	Phạm Thị Vò	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	2	2	704.6	LUC
640	An Văn Hà	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	3	3	1019.4	LUC
641	Đỗ Văn Thoảng	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	4	4	787.0	LUC
642	Đoàn Thị Dung	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	5	5	642.0	LUC
643	Phạm Thị Hạnh	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	6	6	840.0	LUC
644	Vũ Thị Thùy	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	7	7	797.8	LUC
645	Vũ Thị Tới	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	8	8	413.2	LUC
646	Bùi Thị Gái	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	9	9	1087.4	LUC
647	Đỗ Thị Tâm	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	10	10	917.4	LUC
648	Nguyễn Minh Hương	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	11	11	492.2	LUC
649	Đoàn Thị Đức	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	12	12	387.0	LUC
650	Đoàn Thị Đức	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	13	13	285.6	LUC
651	Đỗ Thị Huận	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	14	14	1162.6	LUC
652	Doanh Thị Luân	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	15	15	826.3	LUC
653	Vũ Văn Tạ	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	16	16	909.0	LUC
654	Vũ Văn Tạ	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	17	17	533.0	LUC
655	Đỗ Thanh Sóng	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	18	18	405.8	LUC
656	Trần Thị Huyền	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	19	19	799.2	LUC
657	Đoàn Thanh Thảo	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	20	20	430.2	LUC
658	An Văn Đồng	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	21	21	406.5	LUC
659	Trần Văn Sử	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	22	22	653.8	LUC
660	Trần Văn Ngọc	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	23	23	575.2	LUC
661	Bùi Thị Thơ	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	24	24	150.0	LUC
662	Đỗ Thị Thanh	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	25	25	448	LUC
663	Đoàn Văn Hạ	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	26	26	440.6	LUC
664	Đỗ Văn Kiên	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	27	27	387.3	LUC
665	An Thị Hòa	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	28	28	612.8	LUC
666	Nguyễn Văn Tuyển	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	29	29	905.0	LUC
667	Trần Văn Tuấn	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	30	30	272.6	LUC
668	Trần Văn Đoá	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	31	31	652.9	LUC
669	Nguyễn Văn Mến	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	32	32	831.8	LUC
670	Nguyễn Văn Thương	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	33	33	843.4	LUC
671	Trần Thị Sấn	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	34	34	575.0	LUC
672	Trần Thị Sấn	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	35	35	170.0	LUC
673	An Văn Cáp	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	36	36	1561.0	LUC
674	Trần Văn Chúc	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	37	37	874.8	LUC
675	An Văn Biết	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	38	38	1232.2	LUC
676	Phạm Thị Mùa	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	39	39	970.2	LUC
677	Phạm Thị Mùa	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	40	40	246.4	LUC
678	An Xuân Chuyển	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	41	41	481.7	LUC
679	Trần Xuân Động	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	42	42	444.3	LUC

680	Trần Thị Bảy	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	43	43	1174.4	LUC
681	Trần Văn Hoạch	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	44	44	1138.8	LUC
682	An Tuấn Vang	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	45	45	487.3	LUC
683	Nguyễn Thị Sùng	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	46	46	799.0	LUC
684	Đỗ Thị Thương	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	47	47	597.0	LUC
685	Bùi Thị Gái	Khu Ngoài đê	AN NGHIỆP	48	48	180.0	LUC
686	An Thị Vân	Bạc Ka	AN NGHIỆP	1	1	1118	LUC
687	Nguyễn Thị Lê	Bạc Ka	AN NGHIỆP	2	2	1088.4	LUC
688	An Thị Bến	Bạc Ka	AN NGHIỆP	3	3	1479.4	LUC
689	An Thị Lùng	Bạc Ka	AN NGHIỆP	4	4	431	LUC
690	An Thị Giải	Bạc Ka	AN NGHIỆP	5	5	1393.2	LUC
691	Nguyễn Đức Ngai	Bạc Ka	AN NGHIỆP	6	6	499.5	LUC
692	Nguyễn Văn Quyền	Bạc Ka	AN NGHIỆP	7	7	465.8	LUC
693	Trần Xuân Hạnh	Bạc Ka	AN NGHIỆP	8	8	819	LUC
694	Trần Xuân Hạnh	Bạc Ka	AN NGHIỆP	9	9	183	LUC
695	Đỗ Văn Diên	Bạc Ka	AN NGHIỆP	10	10	728	LUC
696	Đỗ Văn Diên	Bạc Ka	AN NGHIỆP	11	11	298	LUC
697	An Văn Tuyển	Bạc Ka	AN NGHIỆP	12	12	620	LUC
698	An Văn Tuyển	Bạc Ka	AN NGHIỆP	13	13	1575	LUC
699	Trần Xuân Đoan	Bạc Ka	AN NGHIỆP	14	14	1461.9	LUC
700	Vũ Thị Sáng	Bạc Ka	AN NGHIỆP	15	15	1213.8	LUC
701	Trần Văn Dương	Bạc Ka	AN NGHIỆP	16	16	624.8	LUC
702	Bùi Thị Gái	Bạc Ka	AN NGHIỆP	17	17	252	LUC
703	Trần Văn Phô	Bạc Ka	AN NGHIỆP	18	18	1485.7	LUC
704	Trần Thị Thu	Bạc Ka	AN NGHIỆP	19	19	695.5	LUC
705	Nguyễn Thị Tần	Bạc Ka	AN NGHIỆP	20	20	1225.5	LUC
706	Trần Thị Mai	Bạc Ka	AN NGHIỆP	21	21	474.9	LUC
707	Đỗ Thị Út	Bạc Ka	AN NGHIỆP	22	22	895.7	LUC
708	Trần Thị Vạch	Bạc Ka	AN NGHIỆP	23	23	1161.5	LUC
709	Nguyễn Thị Cườm	Bạc Ka	AN NGHIỆP	24	24	505.2	LUC
710	Trần Đại Tỏa	Bạc Ka	AN NGHIỆP	25	25	857.4	LUC
711	Đoàn Thị Toàn	Bạc Ka	AN NGHIỆP	26	26	671	LUC
712	Đoàn Thị Toàn	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	1	1	956	LUC
713	Đỗ Trung Cao	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	2	2	467.3	LUC
714	Nguyễn Thị Phích	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	3	3	509	LUC
715	Nguyễn Thị Phích	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	4	4	1080	LUC
716	Đoàn Văn Giá	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	5	5	669	LUC
717	Đoàn Văn Giá	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	6	6	619	LUC
718	Trần Hữu Kế	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	7	7	144	LUC
719	Trần Hữu Kế	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	8	8	1442.4	LUC
720	Trần Văn Hưng	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	9	9	1677.7	LUC
721	Vũ Văn Trường	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	10	10	665	LUC
722	Phạm Văn Thương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	11	11	559.8	LUC
723	Trần Văn Mịch	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	12	12	648	LUC
724	Nguyễn Thị Tím	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	13	13	322	LUC
725	Nguyễn Thị Phương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	14	14	1159	LUC
726	Nguyễn Thị Phương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	15	15	527	LUC
727	Nguyễn Thị Quئن	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	16	16	239	LUC
728	Nguyễn Thị Quئن	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	17	17	368	LUC
729	Nguyễn Thị Chuyên	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	18	18	276.3	LUC
730	Trần Văn Hồi	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	19	19	225	LUC
731	Trần Văn Hồi	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	20	20	1124	LUC
732	Bùi Thị Thà	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	21	21	369	LUC

733	Bùi Thị Thà	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	22	22	867	LUC
734	Vương Thị Thoa	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	23	23	894.5	LUC
735	Trần Thị Ty	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	24	24	940.2	LUC
736	Trần Văn Dương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	25	25	535.7	LUC
737	Trần Thị Nhuận	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	26	26	954.7	LUC
738	Đỗ Thị Gương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	27	27	605	LUC
739	Đoàn Thị Lại	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	28	28	547.2	LUC
740	Trần Thị Thuần	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	29	29	357	LUC
741	Trần Thị Thuần	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	30	30	173	LUC
742	Hứa Anh Thành	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	31	31	431.5	LUC
743	Trần Thị Gạt	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	32	32	924.9	LUC
744	Vũ Thị Quyên	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	33	33	836	LUC
745	Bùi Thị Bảy	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	34	34	915.2	LUC
746	Trần Thị Phương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	35	35	706	LUC
747	Trần Thị Phương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	36	36	815	LUC
748	Trần Văn Tắc	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	37	37	289	LUC
749	Trần Văn Tắc	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	38	38	635.7	LUC
750	Đoàn Văn Quang	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	39	39	443.2	LUC
751	Trần Minh Kha	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	40	40	437	LUC
752	Trần Minh Kha	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	41	41	609	LUC
753	Đỗ Thành Trung	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	42	42	618	LUC
754	Trần Văn Đoán	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	43	43	817	LUC
755	Đỗ Văn Tuệ	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	44	44	663	LUC
756	Trần Thị Muộn	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	45	45	406	LUC
757	Trần Thị Muộn	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	46	46	275	LUC
758	Trần Văn Bằng	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	47	47	858	LUC
759	Đoàn Văn Biên	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	48	48	668	LUC
760	Đoàn Văn Biên	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	49	49	338	LUC
761	Trần Văn Hương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	50	50	646	LUC
762	Vũ Quang Trung	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	51	51	412	LUC
763	Đoàn Thị Lòng	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	52	52	446	LUC
764	Đoán Thị Tư	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	53	53	757	LUC
765	Đỗ Thị Gương	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	54	54	900	LUC
766	Đỗ Thị Huệ	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	55	55	1189	LUC
767	Đoàn Văn Lộc	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	56	56	337	LUC
768	Đoàn Văn Lộc	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	57	57	335	LUC
769	Đỗ Văn Ngọc	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	58	58	907	LUC
770	Trần Văn Kiên	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	59	59	516	LUC
771	An Thị Mai	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	60	60	496	LUC
772	An Văn Khanh	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	61	61	1069	LUC
773	Trần Văn Quế	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	62	62	900	LUC
774	Nguyễn Thị Nganh	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	63	63	547.2	LUC
775	Nguyễn Thị Liễu	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	64	64	547.6	LUC
776	Đỗ Đức Hồng	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	65	65	547.2	LUC
777	Đỗ Văn Thoảng	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	66	66	619	LUC
778	Đoàn Thị Nghiệp	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	67	67	1000	LUC
779	Đỗ Văn Bằng	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	68	68	1178	LUC
780	Trần Xuân Đưa	Đồng Mượn+Dân dân	AN NGHIỆP	69	69	410.4	LUC
781	Trần Văn Doá	Đồng Bệt	AN NGHIỆP	1	1	653	LUC
782	Nguyễn Văn Mến	Đồng Bệt	AN NGHIỆP	2	2	668	LUC
783	An Văn Biết	Đồng Bệt	AN NGHIỆP	3	3	873	LUC
784	Trần Văn Phú	Đồng Bệt	AN NGHIỆP	4	4	876	LUC
785	An Văn Cáp	Đồng Bệt	AN NGHIỆP	5	5	1570	LUC

786	Trần Thị Sấn	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	6	6	740	LUC
787	Nguyễn Văn Thuởng	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	7	7	725	LUC
788	Đoàn Thị Toàn	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	8	8	1663	LUC
789	Trần Đại Toá	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	9	9	846	LUC
790	Trần Thị Vạch	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	10	10	1062	LUC
791	Đỗ Thị Út	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	11	11	918	LUC
792	Trần Văn Hưng	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	12	12	1455	LUC
793	Trần Hữu Kế	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	13	13	1437	LUC
794	Đoàn Văn Giá	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	14	14	1286	LUC
795	Nguyễn Thị Phích	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	15	15	1549	LUC
796	Đỗ Trung Cao	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	16	16	451	LUC
797	Đỗ Văn Tuệ	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	17	17	725,4	LUC
798	Đoàn Thị Thanh	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	18	18	818	LUC
799	Phạm Quang Thọ	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	19	19	662,8	LUC
800	Trần Thị Liên	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	20	20	410,7	LUC
801	Vũ Thị Bé	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	21	21	936	LUC
802	Đỗ Văn Bằng	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	22	22	1170	LUC
803	Đoàn Văn Lộc	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	23	23	169,2	LUC
804	Đoàn Thị Lây	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	24	24	836,5	LUC
805	Đoàn Văn Quang	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	25	25	435,6	LUC
806	An Văn Khanh	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	26	26	1077	LUC
807	Vũ Quang Trung	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	27	27	514,4	LUC
808	Trần Văn Kiên	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	28	28	324,3	LUC
809	Đỗ Văn Ngọc	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	29	29	950	LUC
810	Đoàn Văn Lộc	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	30	30	862	LUC
811	Đỗ Thị Huệ	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	31	31	1176,3	LUC
812	Đoàn Thị Lồng	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	32	32	485,2	LUC
813	Đỗ Văn Trung	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	33	33	767	LUC
814	Trần Văn Hương	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	34	34	642,8	LUC
815	Đoàn Văn Biên	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	35	35	995,6	LUC
816	Trần Văn Bằng	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	36	36	888,8	LUC
817	Trần Thị Muộn	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	37	37	706,2	LUC
818	Trần Văn Đoán	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	38	38	826,1	LUC
819	Trần Thị Phượng	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	39	39	817,4	LUC
820	Nguyễn Thị Lan	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	40	40	439,4	LUC
821	Nguyễn Thanh Miện	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	41	41	745,3	LUC
822	An Thành Cương	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	42	42	1081,4	LUC
823	Trần Văn Phai	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	43	43	1317,2	LUC
824	Nguyễn Văn Thanh	Đổng Bệt	AN NGHIỆP	44	44	398	LUC
825	Trần Văn Hưng	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	1	1	221	LUC
826	Vũ Văn Trường	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	2	2	697	LUC
827	Phạm Văn Thương	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	3	3	559	LUC
828	Trần Văn Mịch	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	4	4	694	LUC
829	Nguyễn Thị Tím	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	5	5	360	LUC
830	Nguyễn Thị Phượng	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	6	6	1669	LUC
831	Nguyễn Thị Quئن	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	7	7	1004	LUC
832	Nguyễn Thị Chuyên	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	8	8	500	LUC
833	Trần Văn Hồi	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	9	9	1199.5	LUC
834	Bùi Thị Thà	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	10	10	1108	LUC
835	Vương Thị Thoa	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	11	11	783.5	LUC
836	Trần Thị Tỵ	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	12	12	951	LUC
837	Trần Văn Dương	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	13	13	105.3	LUC
838	Trần Thị Nhuận	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	14	14	951	LUC

839	Trần Thị Thuần	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	15	15	534	LUC
840	Hứa Anh Thành	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	16	16	425	LUC
841	Trần Thị Gạt	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	17	17	1076	LUC
842	Vũ Thị Quyên	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	18	18	837	LUC
843	Bùi Thị Bảy	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	19	19	764	LUC
844	Trần Thị Phương	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	20	20	1481	LUC
845	Trần Văn Tắc	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	21	21	920	LUC
846	Đoàn Văn Quang	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	22	22	427	LUC
847	Trần Minh Kha	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	23	23	1047	LUC
848	Đỗ Thành Trung	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	24	24	870	LUC
849	Đoàn Thị Lầy	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	25	25	1343	LUC
850	Trần Văn Quê	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	26	26	1003.4	LUC
851	Đoàn Thị Nghiệp	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	27	27	552.2	LUC
852	Trần Văn Tung	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	28	28	890	LUC
853	Đỗ Thị Gương	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	29	29	657	LUC
854	Trần Văn Đích	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	30	30	326	LUC
855	Đỗ Thị Xuyên	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	31	31	432	LUC
856	An Văn Xuất	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	32	32	216	LUC
857	Nguyễn Văn Cương	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	33	33	252	LUC
858	Lưu Xuân Bái	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	34	34	1340.4	LUC
859	Nguyễn Quốc Bảo	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	35	35	234	LUC
860	Trần Văn Đoán	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	36	36	660	LUC
861	Đỗ Văn Côi	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	37	37	633.6	LUC
862	Vũ Thị Bé	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	38	38	867.6	LUC
863	Trần Thị Liên	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	39	39	408	LUC
864	Phạm Quang Thọ	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	40	40	677	LUC
865	Đoàn Thị Thanh	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	41	41	819	LUC
866	Đỗ Thị Gương	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	42	42	112	LUC
867	Vũ Thị Thủy	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	43	43	354	LUC
868	Vũ Văn Tư	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	44	44	68	LUC
869	Vũ Văn Vần	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	45	45	334.8	LUC
870	Nhữ Thị Quyên	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	46	46	1002.8	LUC
871	Bùi Đăng Huệ	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	47	47	1196.6	LUC
872	Đoàn Thị Liên	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	48	48	584	LUC
873	Đỗ Văn Vinh	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	49	49	909	LUC
874	Trần Thị Sáu	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	50	50	1259.8	LUC
875	An Văn Năng	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	51	51	1867	LUC
876	Nguyễn Văn Thanh	Chuôm Hữu	AN NGHIỆP	52	52	246.5	LUC
877	Trần Thị Phương	Bạc Đông	AN NGHIỆP	1	1	482	LUC
878	Nguyễn Thị Lan	Bạc Đông	AN NGHIỆP	2	2	234	LUC
879	Nguyễn Thanh Miện	Bạc Đông	AN NGHIỆP	3	3	86.4	LUC
880	An Thành Cương	Bạc Đông	AN NGHIỆP	4	4	381.6	LUC
881	Trần Văn Phai	Bạc Đông	AN NGHIỆP	5	5	748.6	LUC
882	Nguyễn Văn Thanh	Bạc Đông	AN NGHIỆP	6	6	381.6	LUC
883	An Văn Năng	Bạc Đông	AN NGHIỆP	7	7	932.4	LUC
884	Đoàn Thị Liên	Bạc Đông	AN NGHIỆP	8	8	687.6	LUC
885	Vũ Văn Vần	Bạc Đông	AN NGHIỆP	9	9	392.4	LUC
886	An Văn Hà	Bạc Đông	AN NGHIỆP	10	10	619.2	LUC
887	Vũ Thị Thùy	Bạc Đông	AN NGHIỆP	11	11	172.8	LUC
888	Vũ Thị Tới	Bạc Đông	AN NGHIỆP	12	12	252	LUC
889	Phạm Thị Hạnh	Bạc Đông	AN NGHIỆP	13	13	486	LUC
890	Đỗ Thị Tâm	Bạc Đông	AN NGHIỆP	14	14	320.4	LUC
891	Đoàn Thị Đức	Bạc Đông	AN NGHIỆP	15	15	230.4	LUC

892	Vũ Văn Tạ	Bạc Đông	AN NGHIỆP	16	16	424	LUC
893	Đỗ Thanh Sóng	Bạc Đông	AN NGHIỆP	17	17	219.6	LUC
894	Trần Văn Sử	Bạc Đông	AN NGHIỆP	18	18	550.8	LUC
895	Trần Văn Ngọc	Bạc Đông	AN NGHIỆP	19	19	601.2	LUC
896	An Thị Hòa	Bạc Đông	AN NGHIỆP	20	20	324	LUC
897	Trần Văn Tuấn	Bạc Đông	AN NGHIỆP	21	21	248.4	LUC
898	Nguyễn Văn Mến	Bạc Đông	AN NGHIỆP	22	22	640.8	LUC
899	Trần Thị Sản	Bạc Đông	AN NGHIỆP	23	23	529	LUC
900	An Văn Biết	Bạc Đông	AN NGHIỆP	24	24	745	LUC
901	Phạm Thị Mùa	Bạc Đông	AN NGHIỆP	25	25	259.2	LUC
902	Trần Văn Động	Bạc Đông	AN NGHIỆP	26	26	334.8	LUC
903	Trần Thị Bảy	Bạc Đông	AN NGHIỆP	27	27	540	LUC
904	An Tuấn Vang	Bạc Đông	AN NGHIỆP	28	28	493.2	LUC
905	Đỗ Thị Thương	Bạc Đông	AN NGHIỆP	29	29	327.6	LUC
906	An Thị Vân	Bạc Đông	AN NGHIỆP	30	30	540	LUC
907	Nguyễn Thị Lê	Bạc Đông	AN NGHIỆP	31	31	363.6	LUC
908	An Thị Lùng	Bạc Đông	AN NGHIỆP	32	32	762.6	LUC
909	Trần Thị Sáu	Bạc Đông	AN NGHIỆP	33	33	417.6	LUC
910	Nguyễn Văn Quyền	Bạc Đông	AN NGHIỆP	34	34	702	LUC
911	Trần Văn Hạnh	Bạc Đông	AN NGHIỆP	35	35	561.6	LUC
912	Đỗ Văn Diên	Bạc Đông	AN NGHIỆP	36	36	468	LUC
913	An Văn Tuyển	Bạc Đông	AN NGHIỆP	37	37	302.4	LUC
914	An Văn Tuyển	Bạc Đông	AN NGHIỆP	38	38	428.4	LUC
915	Vũ Thị Sáng	Bạc Đông	AN NGHIỆP	39	39	543.6	LUC
916	Nguyễn Thị Tàn	Bạc Đông	AN NGHIỆP	40	40	921.6	LUC
917	Nguyễn Thị Tàn	Bạc Đông	AN NGHIỆP	41	41	154.8	LUC
918	Nguyễn Thị Tàn	Bạc Đông	AN NGHIỆP	42	42	219.6	LUC
919	Đoàn Văn Lộc	Bạc Đông	AN NGHIỆP	43	43	64.8	LUC
920	Đỗ Trung Cao	Bạc Đông	AN NGHIỆP	44	44	374.4	LUC
921	Vũ Văn Trường	Bạc Đông	AN NGHIỆP	45	45	658.8	LUC
922	Nguyễn Thị Phương	Bạc Đông	AN NGHIỆP	46	46	367.2	LUC
923	Nguyễn Thị Quén	Bạc Đông	AN NGHIỆP	47	47	615.7	LUC
924	Trần Văn Hồi	Bạc Đông	AN NGHIỆP	48	48	662.4	LUC
925	Bùi Thị Thà	Bạc Đông	AN NGHIỆP	49	49	776.4	LUC
926	Trần Văn Dương	Bạc Đông	AN NGHIỆP	50	50	550.8	LUC
927	Trần Thị Thuần	Bạc Đông	AN NGHIỆP	51	51	399.6	LUC
928	Đỗ Thị Yêu	Bạc Đông	AN NGHIỆP	52	52	810	LUC
929	Đỗ Văn Trung	Bạc Đông	AN NGHIỆP	53	53	72.6	LUC
930	Trần Thị Phương (Trí)	Bạc Đông	AN NGHIỆP	54	54	882	LUC
931	Trần Thị Liên (Thảo)	Bạc Đông	AN NGHIỆP	55	55	295.2	LUC
932	Phạm Văn Thọ	Bạc Đông	AN NGHIỆP	56	56	410	LUC
933	Trần Thị Muộn	Bạc Đông	AN NGHIỆP	57	57	306	LUC
934	Trần Văn Bằng	Bạc Đông	AN NGHIỆP	58	58	421.2	LUC
935	Đoàn Văn Biên	Bạc Đông	AN NGHIỆP	59	59	223.2	LUC
936	Trần Văn Hương	Bạc Đông	AN NGHIỆP	60	60	378	LUC
937	Vũ Văn Trung	Bạc Đông	AN NGHIỆP	61	61	512.2	LUC
938	Đỗ Văn Ngọc	Bạc Đông	AN NGHIỆP	62	62	435.6	LUC
939	Đỗ Văn Côi	Bạc Đông	AN NGHIỆP	63	63	295.2	LUC
940	Trần Văn Quế	Bạc Đông	AN NGHIỆP	64	64	266.4	LUC
941	Trần Văn Quế	Bạc Đông	AN NGHIỆP	65	65	205.2	LUC
942	Trần Văn Tung	Bạc Đông	AN NGHIỆP	66	66	256	LUC
943	Lưu Văn Bái	Bạc Đông	AN NGHIỆP	67	67	968	LUC
944	Trần Văn Đưa	Bạc Đông	AN NGHIỆP	68	68	273.6	LUC

945	Vũ Thị Năm + Dung	Bạc Đông	AN NGHIỆP	69	69	2286	LUC
946	Nguyễn Thị Hiền	Bạc Đông	AN NGHIỆP	70	70	540	LUC
947	Trần Văn Đoán	Bạc Đông	AN NGHIỆP	71	71	115.2	LUC
948	Đoàn Văn Giá	Vườn cửa ô Lầm	AN NGHIỆP	1	1	288	LUC
949	Nguyễn Thị Tần	Vườn cửa ô Lầm	AN NGHIỆP	2	2	108	LUC
950	Trần Thị Phương	Vườn cửa ô Lầm	AN NGHIỆP	3	3	252	LUC
951	An Văn Năng	Vườn cửa ô Lầm	AN NGHIỆP	4	4	288	LUC
952	Đỗ Thanh Sóng	Vườn cửa ô Lầm	AN NGHIỆP	5	5	108	LUC
953	Trần Thị Muộn	Vườn cửa ô Lầm	AN NGHIỆP	6	6	399.6	LUC
954	Nguyễn Thị Tần	Ngoài đê đồng gạch đội 17	AN NGHIỆP	7	7	360	LUC
955	Đỗ Thị Gương	Chuyển đội đồng trở Đ17	AN NGHIỆP	8	8	756	LUC
956	Nguyễn Thị Cườn	Vật tư	AN NGHIỆP	9	9	1231	LUC
957	Nguyễn Văn Quyền	Sau ô Mái	AN NGHIỆP	10	10	1800	LUC
958	Vũ Quang Trung	Sau ô Mái	AN NGHIỆP	11	11	360	LUC
959	Trần Văn Tắc	Vườn ô Khiên	AN NGHIỆP	12	12	288	LUC
960	Nguyễn Thị Cườn	Vườn ô Khiên	AN NGHIỆP	13	13	360	LUC
961	Vũ Thị Thùy	Vườn ô Khiên	AN NGHIỆP	14	14	288	LUC
962	Phạm Thị Võ	Vườn ô Khiên	AN NGHIỆP	15	15	288	LUC
963	Trần Thị Thu	Vườn ô Khiên	AN NGHIỆP	16	16	360	LUC
964	An Văn Khanh	Đồng Hâu	AN NGHIỆP	1	1	489.6	LUC
965	Trần Văn Dương	Đồng Hâu	AN NGHIỆP	2	2	417.6	LUC
966	Đoàn Văn Lộc	Đồng Hâu	AN NGHIỆP	3	3	544.4	LUC
967	Nguyễn Thị Tím	Đồng Hâu	AN NGHIỆP	4	4	547	LUC